

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 53/2006/QĐ-UBND

Đông Hà, ngày 14 tháng 6 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Phê duyệt Quy hoạch phát triển thủy sản
tỉnh Quảng Trị đến năm 2010 có tính đến năm 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003 và Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 05/2003/TT-BKH ngày 22/7/2003 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Hướng dẫn nội dung, trình tự lập, thẩm định và quản lý các dự án quy hoạch phát triển ngành và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội lãnh thổ;

Xét hồ sơ Quy hoạch phát triển thủy sản tỉnh Quảng Trị đến năm 2010 có tính đến năm 2020 do Viện Kinh tế và Quy hoạch- Bộ Thủy sản lập và thông báo kết luận tại Hội nghị thẩm định quy hoạch thủy sản ngày 04/11/2005;

Theo đề nghị của Sở Thủy sản (Tờ trình số 58/TT-TS ngày 05/4/2006) và Sở Kế hoạch và Đầu tư (Tờ trình số 182/SKHĐT-KT ngày 14/4/2006),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển thủy sản tỉnh Quảng Trị đến năm 2010 có tính đến năm 2020 với những nội dung chủ yếu sau

1. Quan điểm định hướng phát triển đến năm 2020.

- Phát triển thủy sản thành ngành kinh tế mạnh của tỉnh theo hướng sản xuất hàng hoá, lấy hiệu quả kinh tế làm động lực; phù hợp với quan điểm công nghiệp hoá, hiện đại hoá của Đảng và xu hướng phát triển thủy sản của vùng và cả nước;

- Phát triển thủy sản nhanh và bền vững trên cơ sở khai thác hợp lý tiềm năng đất đai, mặt nước, nguồn lợi thủy sản, lao động... và áp dụng mạnh mẽ tiến bộ khoa học- công nghệ vào sản xuất để tăng năng suất, chất lượng, đa dạng hoá sản phẩm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao của nhân dân và đẩy mạnh xuất khẩu;

- Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ bảo đảm cho thủy sản phát triển; xây dựng các vùng sản xuất thủy sản tập trung gắn với phát triển công nghiệp chế biến và dịch vụ hậu cần nghề cá; hình thành các trung tâm nghề cá của tỉnh;

- Phát triển thủy sản gắn với bảo vệ môi trường; kết hợp chặt chẽ công tác cứu nạn, cứu hộ và đảm bảo quốc phòng- an ninh trên biển; góp phần quan trọng chuyển dịch cơ cấu kinh tế, lao động nông nghiệp nông thôn và xoá đói giảm nghèo.

2. Mục tiêu phát triển đến năm 2010.

Phát triển thủy sản thành ngành kinh tế mạnh của tỉnh theo hướng sản xuất hàng hoá trên cơ sở phát triển đồng bộ cả khai thác, nuôi trồng và dịch vụ thủy sản; góp phần quan trọng chuyển dịch cơ cấu kinh tế, lao động nông nghiệp nông thôn và xoá đói giảm nghèo. Các chỉ tiêu phát triển chính như sau:

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất thủy sản bình quân thời kỳ 2006- 2010 là 15%/năm. Cơ cấu giá trị sản xuất thủy sản đến năm 2010 là: Khai thác 30%, nuôi trồng 55% và dịch vụ thủy sản 15%;

- Tổng sản lượng đánh bắt và nuôi trồng thủy sản đến năm 2010 đạt 27.000 tấn, tốc độ tăng bình quân thời kỳ 2006- 2010 là 8%/năm; trong đó sản lượng nuôi trồng đạt 10.500 tấn, tăng bình quân 28%/năm; sản lượng khai thác 16.500 tấn, tăng bình quân 2%/năm;

- Giá trị kim ngạch xuất khẩu thủy sản đến năm 2010 đạt 12 triệu USD.

3. Định hướng phát triển các chuyên ngành.

3.1. Khai thác thủy sản.

Phát triển khai thác thủy sản trung và xa bờ hợp lý; ổn định khai thác ven bờ và nội địa. Phát triển khai thác đi đôi với bảo vệ, tái tạo nguồn lợi thủy sản, gắn với công tác cứu nạn, cứu hộ và đảm bảo quốc phòng- an ninh trên biển.

- Sản lượng khai thác thủy sản đến năm 2010 đạt 16.500 tấn; trong đó sản lượng khai thác trung bờ và xa bờ trên 7.000 tấn;

- Ổn định số lượng tàu thuyền đánh cá đến năm 2010 khoảng 1.320 chiếc với tổng công suất 35.000CV; trong đó tàu đánh cá xa bờ có 45- 50 chiếc, tàu đánh cá trung bờ (45 đến dưới 90CV) có trên 170 chiếc. Giảm đáng kể số lượng thuyền đánh cá ven bờ, đặc biệt là thuyền thủ công và thuyền máy công suất dưới 20CV;

- Chú trọng du nhập và phát triển các ngành nghề khai thác thủy sản hiệu quả, đánh bắt các sản phẩm có giá trị kinh tế cao và thân thiện với môi trường;

- Xây dựng hoàn thiện và đưa vào khai thác có hiệu quả các cảng cá, khu dịch vụ hậu cần nghề cá, khu neo đậu trú bão tại Cửa Tùng, Cửa Việt và Cồn Cỏ.

3.2. Nuôi thủy sản.

Là hướng phát triển chính để tăng sản lượng ngành Thủy sản; từng bước hình thành vùng nguyên liệu tập trung, ổn định cho chế biến xuất khẩu; góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động nông nghiệp nông thôn và xoá đói giảm nghèo.

- Sản lượng nuôi thủy sản đến năm 2010 đạt 10.500 tấn, trong đó nuôi thủy sản nước ngọt 5.000 tấn, nuôi thủy sản mặn lợ 5.500 tấn;

- Diện tích nuôi thủy sản đến năm 2010 đạt 3.500- 4.000 ha, trong đó diện tích nuôi thủy sản mặn lợ khoảng 2.000 ha;

- Phát triển đa dạng các loại hình nuôi thủy sản như: Nuôi thâm canh, bán thâm canh, quảng canh, quảng canh cải tiến; nuôi ao hồ, mặt nước, lồng, bè, bể; nuôi kết hợp ruộng lúa, ruộng sen, chăn nuôi thủy cầm;...

- Phát triển đa dạng các đối tượng nuôi thủy sản, tập trung các đối tượng chính là: Tôm sú, tôm he chân trắng, tôm càng xanh, cua, cá giò, cá truyen thống, cá rô phi đơn tính, cá tra. Thử nghiệm các đối tượng nuôi mới có giá trị kinh tế như: Ba ba, ếch, cá trê lai, cá chim trắng, cá chình... để phát triển trên địa bàn.

3.3. Chế biến- thương mại thủy sản.

- Củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động các cơ sở chế biến thủy sản hiện có, phát triển và đổi mới trang thiết bị, công nghệ, đưa sản lượng thủy sản xuất khẩu đạt 3.300 tấn vào năm 2010;

- Đa dạng hoá các sản phẩm thủy sản chế biến nhằm phục vụ xuất khẩu, tiêu dùng nội địa và khách du lịch trên địa bàn; từng bước xây dựng và quảng bá thương hiệu các sản phẩm thủy sản đặc trưng của tỉnh;

- Phân đầu đến năm 2010 các cơ sở chế biến thủy sản theo phương thức công nghiệp đều đạt tiêu chuẩn ngành về điều kiện an toàn vệ sinh và thú y thủy sản; tăng cường áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế.

3.4. Dịch vụ thủy sản.

Kiện toàn hệ thống dịch vụ thủy sản trên địa bàn để đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành: Từng bước chuyên giao công nghệ sản xuất giống, tăng cường khả năng tự sản xuất giống trên địa bàn để đáp ứng cơ bản nhu cầu nuôi thủy sản của nhân dân. Đẩy mạnh công tác khuyến ngư, tập trung chuyên giao kỹ thuật khai thác, nuôi trồng, chế biến thủy sản cho nhân dân. Đẩy mạnh công tác kiểm dịch, thú y nhằm tăng khả năng phát hiện và dập dịch bệnh thủy sản. Tăng cường kiểm tra chất lượng giống, thức ăn, thuốc thú y, vệ sinh thực phẩm thủy sản trên địa bàn. Quản lý chặt chẽ việc cấp giấy phép khai thác để giảm dần số thuyền nhỏ khai thác ven bờ, ngăn chặn kịp thời, tiến tới chấm dứt việc sử dụng các phương thức khai thác mang tính hủy diệt. Tổ chức tốt dịch vụ hậu cần như: Cung ứng vật tư, thiết bị nghề cá; dịch vụ cảng, neo đậu tàu thuyền; thu mua, chế biến thủy sản... đáp ứng yêu cầu phát triển nghề cá của tỉnh.

4. Định hướng phát triển theo vùng lãnh thổ.

4.1. Phát triển theo các vùng kinh tế- sinh thái.

- Vùng biển và hải đảo: Hướng chính là phát triển khai thác hải sản và nuôi biển, trong đó: Tập trung đánh bắt hải sản xa và trung bờ tại cửa lạch Cửa Việt và Cửa Tùng; từng bước sắp xếp, cơ cấu lại ngành nghề khai thác ở vùng bãi ngang nhằm tăng hiệu quả đánh bắt kết hợp bảo vệ nguồn lợi thủy sản; phát triển nuôi lồng, nuôi bè trên biển tại các huyện: Vĩnh Linh, Triệu Phong, Hải Lăng và Cồn Cỏ;

- Vùng chịu ảnh hưởng nước mặn: Hướng chính là phát triển các vùng nuôi thủy sản mặn lợi tập trung, kết hợp nuôi thủy sản nước ngọt ở những nơi có điều kiện. Có

02 tiểu vùng chính là: Vùng bãi triều, đất nhiễm mặn ven sông Cửa Việt và Bến Hải thuộc các huyện Vĩnh Linh, Gio Linh, Triệu Phong, thị xã Đông Hà và vùng đất cát ven biển gồm các xã: Vĩnh Thái (Vĩnh Linh), Triệu Vân, Triệu Lăng (Triệu Phong); Hải Ba, Hải An, Hải Khê (Hải Lăng);

- Vùng sinh thái nước ngọt: Tập trung phát triển nuôi thủy sản nước ngọt. Ở đồng bằng chú trọng phát triển các vùng nuôi tập trung, đồng thời phát triển đa dạng các hình thức nuôi kết hợp ruộng lúa, ruộng sen, chăn nuôi thủy cầm... để tăng hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích. Ở vùng gò đồi, miền núi tập trung khai thác nguồn nước sông, suối để nuôi thủy sản trên địa hình đất dốc; nuôi lồng, bè trên các hồ tự nhiên nhằm đáp ứng nhu cầu thực phẩm tại chỗ cho nhân dân.

4.2. Định hướng xây dựng các tụ điểm nghề cá của tỉnh

Tập trung xây dựng 02 tụ điểm nghề cá chính của tỉnh tại Cửa Việt và Cửa Tùng. Các tụ điểm nghề cá phát triển phù hợp với quy hoạch phát triển vùng, phát triển tổng hợp, đa dạng các loại hình dịch vụ, sản xuất như: Cấp nước, xăng dầu; sản xuất và cung ứng nước đá; cung ứng vật tư, thiết bị, phương tiện đi biển; sửa chữa, đóng mới tàu thuyền; thu mua, sơ chế, bảo quản, chế biến thủy sản... nhằm phục vụ tàu đánh cá của tỉnh và các tỉnh đánh cá trong vùng. Chú trọng công tác quy hoạch và di dời các cơ sở chế biến thủy sản trong dân cư để tập trung xử lý môi trường.

- Tụ điểm nghề cá Cửa Việt: Chủ yếu phục vụ cho vùng Nam Gio Linh, huyện Triệu Phong và Hải Lăng; được phát triển gắn liền với quy hoạch xây dựng thị trấn Cửa Việt, Khu công nghiệp Bắc Cửa Việt, Khu du lịch Cửa Việt. Giai đoạn 2006-2010, tập trung xây dựng đồng bộ cảng cá Cửa Việt; Khu neo đậu trú bão và hậu cần nghề cá Cửa Việt; chợ cá Cửa Việt; hệ thống giao thông trong và liên vùng;

- Tụ điểm nghề cá Cửa Tùng: Chủ yếu phục vụ cho vùng Bắc Gio Linh và huyện Vĩnh Linh; được phát triển gắn liền với quy hoạch xây dựng thị trấn Cửa Tùng; Khu du lịch Cửa Tùng. Giai đoạn 2006- 2010, tập trung hoàn thành Khu neo đậu trú bão và hậu cần nghề cá Cửa Tùng; chợ cá Vĩnh Quang; hệ thống giao thông trong và liên vùng.

5. Danh mục các chương trình, dự án trọng điểm đến năm 2010

- Chương trình phát triển tàu đánh cá xa và trung bờ: Đóng mới và cải hoán 10 chiếc tàu đánh cá xa bờ và trên 150 chiếc tàu đánh cá trung bờ (45- dưới 90CV);

- Chương trình phát triển nuôi trồng thủy sản: Phát triển tăng thêm 1.950 ha diện tích nuôi thủy sản (Trong đó: 1.050 ha nuôi mặn lợ; 900 ha nuôi nước ngọt);

- Dự án nâng cấp mở rộng Trại cá giống nước ngọt Trúc Kinh: Quy mô sản xuất 50 triệu con giống thủy sản nước ngọt và 1 tấn cá bố mẹ hàng năm;

- Dự án Khu neo đậu trú bão và hậu cần nghề cá Cửa Tùng: Quy mô khu neo đậu đến 750 chiếc tàu thuyền; công suất tàu tối đa đến 500 CV;

- Dự án Khu neo đậu trú bão và hậu cần nghề cá Cửa Việt: Quy mô khu neo đậu đến 350 chiếc tàu thuyền; công suất tàu tối đa đến 300 CV.

6. Một số giải pháp chính thực hiện quy hoạch.

- Huy động vốn đầu tư phát triển

Nhu cầu vốn đầu tư phát triển thủy sản giai đoạn 2006- 2010 khoảng 500 tỷ đồng; trong đó vốn ngân sách đầu tư khoảng 150 tỷ đồng, chiếm 30%; huy động từ các thành phần kinh tế trong và ngoài nước khoảng 350 tỷ đồng, chiếm 70%;

Nguồn vốn ngân sách đầu tư thông qua các chương trình: Phát triển nuôi trồng thủy sản, phát triển giống thủy sản, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản, Biển Đông- Hải đảo; các chương trình đầu tư của Bộ Thủy sản và ngân sách địa phương. Vốn ngân sách chủ yếu hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nuôi thủy sản tập trung; Trung tâm giống thủy sản tỉnh; chuyển giao công nghệ sản xuất giống và nuôi thử nghiệm; xây dựng cảng cá, khu dịch vụ hậu cần nghề cá, khu neo đậu trú bão, khu bảo tồn biển; khuyến ngư, kiểm dịch thủy sản; điều tra, nghiên cứu khoa học, quy hoạch và thực hiện chính sách ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh;

Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển ngành Thủy sản. Tỉnh sẽ áp dụng tất cả các chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư của Chính phủ cho ngành Thủy sản, đồng thời thực hiện các chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư của tỉnh để hỗ trợ thực hiện các chương trình, dự án theo quy hoạch;

- Tập trung chuyển đổi đất đai, mặt nước sang nuôi thủy sản

Diện tích nuôi thủy sản đến năm 2010 là: 4.000 ha, trong đó huy động trên 1.200 ha ao hồ nhỏ, 800 ha ruộng trũng vào nuôi nước ngọt; huy động 410 ha đất cát ven biển và 1.590 ha bãi bồi, ruộng nhiễm mặn ven sông vào nuôi mặn lợ. Đến năm 2010 cần tập trung chuyển đổi ruộng trũng, ruộng nhiễm mặn sản xuất kém hiệu quả sang nuôi thủy sản chuyên canh hoặc nuôi kết hợp ruộng lúa, ruộng sen, chăn nuôi thủy cầm; xây dựng các trang trại nông- lâm- thủy sản, các mô hình sinh thái kết hợp nuôi thủy sản. Phát triển các vùng nuôi thủy sản tập trung để áp dụng công nghệ sản xuất tiên tiến, tạo sản lượng hàng hoá lớn, tập trung và ổn định, đồng thời áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường sinh thái. Tiếp tục thực hiện chính sách giao, cho thuê đất, mặt nước lâu dài để phát triển nuôi trồng thủy sản; đặc biệt là giao, cho thuê mặt nước sông, hồ, biển để phát triển nuôi thủy sản lồng, bè;

- Đầu tư xây dựng các cơ sở hạ tầng nghề cá của tỉnh

Tập trung xây dựng 02 tụ điểm nghề cá chính của tỉnh trở thành những trung tâm thúc đẩy phát triển nghề cá trong vùng; hấp dẫn, thu hút tàu thuyền các tỉnh và nước ngoài vào cập bến. Xây dựng hoàn thiện các cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, kinh doanh thủy sản như: Cảng cá, chợ cá, khu neo đậu tàu thuyền...;

Tiếp tục xây dựng cơ sở hạ tầng các vùng nuôi thủy sản tập trung như: Đê bao, cấp thoát nước, cấp điện, giao thông, công trình xử lý môi trường; chú trọng quy hoạch và xây dựng hệ thống thủy lợi các vùng nuôi thủy sản. Các dự án thủy lợi phải tính toán, cân đối đảm bảo nhu cầu phát triển nuôi thủy sản; nguồn nước thủy lợi cung cấp cho nuôi thủy sản được ưu tiên như đối với sản xuất nông nghiệp;

- Khoa học công nghệ

Ứng dụng mạnh mẽ tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất thủy sản; lựa chọn và du nhập công nghệ tiên tiến phù hợp với điều kiện nghề cá của tỉnh để tạo bước đột phá phát triển nhanh, hiệu quả. Tập trung vào các lĩnh vực: Sản xuất giống; công nghệ nuôi trồng, khai thác; công nghệ bảo quản sau thu hoạch và chế biến; thử nghiệm và phổ biến các mô hình sản xuất thủy sản hiệu quả; áp dụng các quy trình nuôi thủy sản sạch bệnh, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và môi trường;

Tăng cường đào tạo cán bộ khoa học có trình độ chuyên môn cao, đủ khả năng nghiên cứu, tiếp nhận và ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học vào thực tiễn sản xuất. Khuyến khích các hình thức hợp tác nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước nhằm chuyển giao kết quả nghiên cứu, áp dụng thực tiễn trên địa bàn tỉnh;

- Thương mại và phát triển thị trường

Mở rộng thị trường trong nước, thông qua việc đa dạng hoá sản phẩm có chất lượng, giá cả hợp lý, phù hợp khẩu vị; tập trung khâu chế biến, sơ chế, bảo quản để nâng cao giá trị và tăng thời gian lưu thông của sản phẩm; chú trọng mở rộng thị trường tiêu thụ ở khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa;

Phát triển thị trường xuất khẩu, phát huy lợi thế để sản xuất sản phẩm thủy sản đặc trưng của Quảng Trị, có sức cạnh tranh cao, nhằm thâm nhập thị trường các nước. Chú ý thị trường: Nhật, Hàn Quốc, Trung Quốc, Thái Lan, Lào, Mỹ, EU. Đa dạng hoá thị trường xuất khẩu, chủ động ứng phó với rào cản thương mại các nước;

Tăng cường xúc tiến thương mại, tăng khả năng thông tin và dự báo thị trường; khuyến khích các hình thức liên doanh, liên kết để mở rộng thị trường;

- Phát triển nguồn nhân lực

Nhu cầu lao động thủy sản đến năm 2010 từ 25.000- 26.000 người, lực lượng lao động tăng thêm chủ yếu thu hút từ ngành Nông nghiệp, khu vực nông thôn. Tập trung đào tạo nguồn nhân lực cho tất cả các lĩnh vực thủy sản. Tăng cường các hình thức đào tạo ngắn hạn, trung hạn phù hợp với trình độ, tập quán của lao động nghề cá, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hóa ngành và tham gia thị trường xuất khẩu lao động. Đào tạo và đào tạo lại để bổ sung, củng cố đội ngũ cán bộ đảm bảo đủ năng lực quản lý ngành trong quá trình phát triển. Tăng cường hợp tác trong và ngoài nước để chuyển giao kỹ thuật, nâng cao chất lượng lao động thủy sản.

- Bảo vệ môi trường sinh thái

Khai thác và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên đất, mặt nước, nguồn lợi thủy sản. Kiểm tra chặt chẽ việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y thủy sản, phân bón, hóa chất... Kiểm soát chặt chẽ môi trường các vùng nuôi thủy sản tập trung, các cơ sở sản xuất giống, chế biến thủy sản. Khuyến khích áp dụng các quy trình nuôi, công nghệ khai thác ít gây ô nhiễm môi trường sinh thái. Quy hoạch và quản lý chặt chẽ các vùng nuôi thủy sản mạn lợ, tuyệt đối không khai thác nguồn nước ngầm để nuôi

thủy sản mặn lợ trên vùng cát ven biển. Các vùng nuôi thủy sản tập trung phải xây dựng hệ thống xử lý nước thải đảm bảo tiêu chuẩn môi trường.

7. Tổ chức thực hiện quy hoạch.

Sở Thủy sản chịu trách nhiệm tổ chức chỉ đạo và hướng dẫn các địa phương thực hiện quy hoạch phát triển thủy sản trên địa bàn. Công bố và cung cấp thông tin rộng rãi về quy hoạch cho các cấp, các ngành, nhà đầu tư và nhân dân trong tỉnh. Xây dựng và chỉ đạo thực hiện quy hoạch các chuyên ngành, các vùng sinh thái, các chương trình, dự án trọng điểm. Điều chỉnh, bổ sung và xây dựng các cơ chế chính sách trình UBND tỉnh phê duyệt để đảm bảo hoàn thành mục tiêu quy hoạch.

Các Sở, Ban, ngành trong tỉnh căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ để chủ trì hoặc phối hợp thực hiện những nhiệm vụ có liên quan đến quy hoạch phát triển thủy sản.

UBND các huyện, thị xã trong tỉnh có trách nhiệm rà soát, bổ sung quy hoạch phát triển thủy sản vào quy hoạch của địa phương mình và tổ chức thực hiện.

Trong quá trình thực hiện, quy hoạch này sẽ được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh và ngành Thủy sản.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Thủy sản, Công nghiệp, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên - Môi trường, Khoa học- Công nghệ, Lao động- Thương binh và Xã hội, Thủ trưởng các Ban, ngành liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

Lê Hữu Phúc